

# XÁC ĐỊNH CĂN CỨ LY HÔN THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 56 CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014

NGUYỄN PHƯƠNG AN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: npan-ds@hcmulaw.edu.vn

## Tóm tắt

Pháp luật hôn nhân và gia đình hiện hành quy định căn cứ ly hôn phụ thuộc vào các trường hợp ly hôn cụ thể. Theo đó, có hai trường hợp ly hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận là thuận tình ly hôn và ly hôn theo yêu cầu của một bên vợ, chồng với những thủ tục thực hiện khác biệt trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích, nhận diện các tình tiết, sự kiện làm căn cứ giải quyết ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời chỉ ra các vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề trên.

**Từ khóa:** ly hôn, căn cứ giải quyết ly hôn, Luật Hôn nhân và gia đình, thuận tình, theo yêu cầu

## Abstract

The current 2014 Law on Marriage and Family stipulates that the grounds for divorce depend on specific divorce cases. Such law has recognized the two cases of divorce: divorce by mutual consent and divorce at the request of one spouse. In this article, the authors will analyze and identify details that are serving as the basis for divorce settlement according to paragraph 1 Article 56 of the 2014 Law on Marriage and Family. In addition, the author points out problems in practical application and offers some recommendations to improve the law on that issue.

**Keywords:** divorce, grounds for divorce, Law on Marriage and Family, by consent, by request

**Ngày nhận bài:** 18/02/2024

**Ngày duyệt đăng:** 16/5/2024

Sự tan vỡ trong hôn nhân vốn là một hiện tượng xã hội mang tính S riêng tư gia đình. Tuy nhiên, xét dưới góc độ tự nhiên và pháp lý thì sự chia ly này luôn chứa đựng những tác động ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội khác. Do đó, để hạn chế thấp nhất hệ quả tiêu cực khi hôn nhân chấm dứt, việc giải quyết việc ly hôn phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, đáp ứng hài hòa lợi ích của gia đình và của vợ chồng. Hiện nay, theo luật định, Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải quyết yêu cầu ly hôn và ra phán quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng. Để đưa ra được phán quyết này, Tòa sẽ phải dựa trên các căn cứ cho ly hôn theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Trước đây, Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ) năm 2000 chỉ quy định căn cứ ly hôn chung nhất, cho dù là thuận tình hay đơn phương thì khi xét thấy quan hệ vợ chồng đã thực sự đến mức “tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Tòa án sẽ giải quyết cho ly hôn.<sup>1</sup> So với Luật HNGĐ năm 2000, Luật

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 89 Luật HNGĐ năm 2000.

HNGĐ năm 2014 có sự thay đổi phương diện tiếp cận, căn cứ ly hôn sẽ phụ thuộc vào các trường hợp ly hôn cụ thể.<sup>2</sup> Trong đó, khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành, thì Tòa án giải quyết cho ly hôn “nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.<sup>3</sup>

Với cách tiếp cận này, căn cứ ly hôn theo yêu cầu của một bên phải có đủ hai điều kiện: (i) biểu hiện của tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng khi “có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng”; và (ii) hệ quả của mâu thuẫn là “làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Nói cách khác, theo quy định của pháp luật hiện hành, căn cứ ly hôn tại khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 không chỉ dựa vào hệ quả của mâu thuẫn, mà còn phải đáp ứng điều kiện nguyên nhân. Có như vậy, “căn cứ ly hôn mới trở nên hoàn hảo”.<sup>4</sup>

## **1. Nội dung căn cứ giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**

### **1.1. Điều kiện về nguyên nhân**

Theo khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, điều kiện về nguyên nhân là “có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng”.

*Thứ nhất*, hành vi bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.<sup>5</sup> Căn cứ xác định hành vi bạo lực gia đình dựa trên cơ sở Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Luật PCBLGĐ) năm 2022, trong đó 16 hành vi cụ thể được liệt kê tại khoản 1 Điều 3. Việc mở rộng các hành vi bị coi là bạo lực gia đình so với pháp luật PCBLGĐ trước đây được đánh giá là đầy đủ hơn, trong đó có những hành vi mà trước đây nhiều người chưa lường trước được hậu quả xảy ra để xác định đó là hành vi bạo lực gia đình như: (i) Cường ép chứng kiến bạo lực với

2 Trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên vợ, chồng bao gồm ba trường hợp: (i) ly hôn theo yêu cầu một bên; (ii) ly hôn với người bị tòa án tuyên bố mất tích; (iii) ly hôn với bên vợ, chồng mắc bệnh tâm thần và những bệnh khác mà không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. Trong phạm vi bài viết sẽ chỉ tập trung làm rõ căn cứ giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên, quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

3 Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

4 Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình: Các quan hệ nhân thân và gia đình (Tập 1)*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022, tr. 217.

5 Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

người, vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý; (ii) bỏ mặc, không quan tâm; (iii) không nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc (là thành viên gia đình); (iv) không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em; (v) kỳ thị, phân biệt đối xử về giới, giới tính, hình thể, năng lực của thành viên gia đình; (vi) tiết lộ/phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm; (vii) cưỡng ép trình diễn khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực; (viii) cưỡng ép mang thai, lựa chọn giới tính thai nhi, phá thai; (ix) cô lập, giam cầm thành viên gia đình; (x) cưỡng ép thành viên gia đình học tập.<sup>6</sup>

*Thứ hai*, đối với yếu tố có sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, từ thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, giữa nam và nữ phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.<sup>7</sup> Hiện nay, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng chủ yếu được quy định tại Chương III Luật HNGĐ năm 2014. Vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là nguyên nhân dẫn đến việc một bên yêu cầu ly hôn có thể hiểu là việc một bên vi phạm quyền về nhân thân, tài sản của bên còn lại hoặc không thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng theo luật định. Vi phạm quyền về nhân thân ở góc độ chung là hành vi vợ, chồng không chung thủy với nhau; không thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau và các quyền nhân thân khác với tính chất là những quyền dân chủ của công dân. Vi phạm quyền và nghĩa vụ về tài sản là hành vi vợ, chồng phá tán tài sản, sử dụng tài sản vào các mục đích không nhằm vào việc xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc hoặc không thực hiện nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.<sup>8</sup> Theo khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, về điều kiện về nguyên nhân chỉ cần có hành vi bạo lực gia đình hoặc hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng là đã đủ cơ sở để xem xét điều kiện về hệ quả.

### **1.2. Điều kiện về hệ quả**

Nếu như sự hiện diện của hành vi bạo lực gia đình hoặc hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng là điều kiện cần của căn cứ giải quyết ly hôn, thì hệ quả của mâu thuẫn là “làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hệ quả này là điều kiện đủ để Tòa án có thể ra phán quyết cho hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng. Tiêu chí để xác định tình trạng này trước đây được quy định tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP

6 Khoản 1 Điều 3 Luật PCBLGD năm 2022.

7 Khoản 1 Điều 3 Luật HNGĐ năm 2014.

8 Khoản 2 Điều 29 Luật HNGĐ năm 2014.

ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP). Theo điểm a khoản 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP, tình trạng của vợ chồng được coi là trầm trọng khi:

“Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hòa giải nhiều lần;

Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hòa giải nhiều lần;

Vợ chồng không chung thủy với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc người chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình”.

Cũng tại Nghị quyết này, nhà làm luật quy định để có cơ sở nhận định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, thì “phải căn cứ vào tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức trầm trọng như hướng dẫn tại điểm a.1 mục 8 này. Nếu thực tế cho thấy đã được nhắc nhở, hoà giải nhiều lần, nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình hoặc vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau hoặc vẫn tiếp tục có hành vi ngược đãi hành hạ, xúc phạm nhau, thì có căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được”.<sup>9</sup> Có thể thấy, yếu tố quyết định để nhà lập pháp thiết lập nên căn cứ pháp lý ly hôn là “quan hệ thực chất”<sup>10</sup> của các bên vợ chồng. Với mối liên hệ cơ hữu, khi hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thì mục đích của quan hệ giữa vợ và chồng cũng không đạt được. Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP quy định: “Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt”.

Về lịch sử lập pháp, căn cứ “tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được” là căn cứ được kế

9 Hiện nay nội dung này được đưa vào Điều 4 Dự thảo “Nghị quyết hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình” của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2023 (Dự thảo 4.1) nhưng ngắn gọn hơn.

10 Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2022, tr. 435.

thừa từ các Luật HNGĐ trước đó<sup>11</sup> nhưng có phát triển hơn về nội dung. Tuy nhiên trải qua nhiều thay đổi trong lịch sử phát triển, Luật HNGĐ vẫn giữ quan điểm dựa vào thực trạng hôn nhân để xác định sự tan vỡ của vợ chồng. Chỉ khi cốt lõi vấn đề là quan hệ đôi bên thực sự mục ruỗng, thì tình cảm gia đình không còn khả năng cứu vãn thì thì Tòa án mới xử lý cho ly hôn.

## **2. Thực tiễn áp dụng căn cứ ly hôn trong giải quyết vụ việc ly hôn theo yêu cầu của một bên và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

### **2.1. Thực tiễn áp dụng căn cứ ly hôn trong giải quyết vụ việc ly hôn theo yêu cầu của một bên**

Hiện nay, đặt trong bối cảnh xã hội phát triển, quyền tự do cá nhân ngày càng được đề cao, lý do ly hôn ngày càng đa dạng, việc Tòa án áp dụng căn cứ ly hôn vẫn gặp những vướng mắc xuất phát từ quy định căn cứ ly hôn có tính khái quát, trong khi đó, việc áp dụng pháp luật đòi hỏi phải có tiêu chí cụ thể.

*Thứ nhất*, việc đánh giá về “vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng” còn tồn tại nhiều cách lý giải khác nhau khi áp dụng pháp luật. Do quy định về vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng mang tính định tính nên thực tiễn áp dụng trong việc xác định mức độ vi phạm có sự không thống nhất trong hệ thống Tòa án khi giải quyết yêu cầu ly hôn. Chẳng hạn, theo Bản án số: 85/2020/HNGĐ-PT “V/v tranh chấp xin ly hôn” ngày 23/12/2020 của TAND tỉnh Tiền Giang, cơ quan xét xử cho rằng anh T không có hành vi bạo lực gia đình, xét yêu cầu kháng cáo của chị N là không có căn cứ dẫn đến không chấp nhận yêu cầu ly hôn, nhưng vẫn ghi nhận việc anh T có tát chị N, làm chị N giận dữ bỏ về nhà mẹ ruột sống ly thân đến nay. Trong khi đó, sự việc tương tự giữa bà Nh và ông T tại Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST “V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con” ngày 08/9/2022 của TAND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nh, cho bà được ly hôn với ông T, mà nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là vì không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, “có lần không làm chủ được bản thân nên ông T đã đánh bà Nh”, hiện bà Nh đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong hai Bản án này đều có hành vi “bạo lực”, yếu tố “ly thân”, nhưng giữa hai Tòa án có quyết định khác nhau.

*Thứ hai*, hướng xử lý trong trường hợp không có “hành vi bạo lực gia đình” hay “vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng” nhưng vẫn có hệ quả đời sống chung đổ vỡ hiện nay chưa thống nhất.

11 Đây là căn cứ đã được ghi nhận từ Luật HNGĐ năm 1959 (Điều 26), Luật HNGĐ năm 1986 (Điều 40) và Luật HNGĐ năm 2000 (Điều 89).

Cụ thể, nếu chỉ vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn tính cách, nguyện vọng muốn chia tay vì thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án có xử lý cho ly hôn? Thực tiễn ghi nhận hai hướng xét xử.

*Hướng thứ nhất*, Tòa án bác yêu cầu ly hôn với lý do giữa vợ chồng dù có mâu thuẫn nhưng cuộc sống chung chưa đổ vỡ và không có yếu tố bạo lực gia đình. Tại Bản án số: 85/2020/HNGĐ-PT “V/v tranh chấp xin ly hôn” ngày 23/12/2020 của TAND tỉnh Tiền Giang nêu trên, trong đơn kháng cáo chị N cho rằng chị không còn tình cảm với chồng do cả hai không hợp nhau và sau khi xét xử sơ thẩm anh T vẫn còn hăm dọa đánh chị, vợ chồng đã sống ly thân không còn khả năng hàn gắn nên mới yêu cầu ly hôn. Tòa án nhận định: “Anh T không có hành vi bạo lực gia đình hoặc xâm phạm quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng, đến tháng 02/2020 thì mới phát sinh mâu thuẫn là do trong lúc vợ chồng cãi nhau... Xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị là có thật nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, khả năng hàn gắn vẫn còn. Chị N kháng cáo xin ly hôn nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới, vì vậy hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm”.<sup>12</sup>

*Hướng thứ hai*, nếu xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng. Theo Bản án số 988/2023/HNGĐ-ST về việc ly hôn ngày 31/07/2023 của TAND Quận Gò Vấp (Thành phố Hồ Chí Minh), nguyên nhân ly thân trong vụ án này là do đôi bên bất đồng quan điểm, tính cách và các vấn đề kinh tế chung của gia đình. Tại Bản án, Tòa án nhận định: “Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà D yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận”. Trong một vụ việc khác, Bản án số 1346/2018/HNGĐ-ST về việc tranh chấp ly hôn ngày 13/11/2018 của TAND Quận Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh), Tòa án nhận định: “Cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông N và bà H kết hôn đã lâu mà không có con chung, ông N không chữa bệnh và không đồng ý sinh con bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm theo yêu cầu của bà H, dẫn đến

12 Xem thêm Bản án số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 23/9/2019 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

mâu thuẫn giữa các bên ngày càng lớn, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được.” Từ đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Có thể thấy, trong các bản án nêu trên không xuất hiện hành vi bạo lực, cũng không có yếu tố lỗi, nhưng Tòa án vẫn chấp nhận yêu cầu và giải quyết cho ly hôn.<sup>13</sup>

*Thứ ba*, tiêu chí “ngoại tình”, “ly thân” trong thực tiễn xét xử được xác định là căn cứ giải quyết ly hôn, tuy nhiên Luật HNGĐ năm 2014 không có quy định về vấn đề này. Thực tế rất nhiều trường hợp cơ quan xét xử đánh giá “ly thân” và “ngoại tình” là căn cứ xác định tình trạng trầm trọng của hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong khi đó, Luật HNGĐ năm 2014 không có quy định về ly thân và Điều 19 của Luật này quy định “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Tương tự, “vợ chồng có quan hệ ngoại tình” là biểu hiện của hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Nhưng Luật HNGĐ năm 2014 nói riêng, pháp luật Việt Nam nói chung lại không có khái niệm “ngoại tình”. Điều 19 Luật HNGĐ năm 2014 chỉ quy định nghĩa vụ của vợ chồng phải “chung thủy”. Điểm c khoản 2 Điều 5 Luật HNGĐ năm 2014 quy định cấm “người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ”.<sup>14</sup> Với căn cứ ly hôn được xác định trong các bản án là một bên vợ, chồng có quan hệ ngoại tình, vợ chồng sống ly thân nhưng tiêu chí về ngoại tình, ly thân chưa được làm rõ. Vì vậy, quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 cần phải được hướng dẫn và hoàn thiện.

## **2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

Xét về bản chất, căn cứ ly hôn là cơ sở để Tòa án giải quyết ly hôn. Từ những phân tích nêu trên, cùng những vướng mắc trong thực tiễn xét xử, tác giả đề xuất tiêu chí về căn cứ ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ theo hướng như sau:

13 Xem thêm Bản án số 09/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của TAND huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; Bản án số 60/2019/HNGĐ-ST ngày 11/11/2019 của TAND tỉnh Đồng Nai; Bản án số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 10/08/2021 của TAND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Để tìm hiểu thêm về sinh con, bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo và các vấn đề pháp lý liên quan, xem Van Ngo Thi Anh (2020), “Offsprings Conceived Via Assisted Reproductive Technology By a Single Woman: A Matter of Father Identification”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 3, No. 2, pp. 1-19, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0001>.

14 Khoản 1 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Đang có vợ hoặc đang có chồng mà kết hôn với người khác, chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà kết hôn với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ; Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác; Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ.

*Thứ nhất*, cần minh thị quy định về “hành vi bạo lực gia đình của vợ, chồng” trong pháp luật hôn nhân và gia đình. Tham khảo pháp luật của một số quốc gia, “hành vi bạo lực gia đình của vợ, chồng” cũng được xem là một trong những căn cứ giải quyết ly hôn. Có thể kể đến Bộ luật Dân sự (BLDS) Hàn Quốc quy định người vợ hoặc chồng có thể nộp đơn lên Tòa án gia đình để xin ly hôn nếu “một bên vợ hoặc chồng bị người kia hoặc con cháu trực hệ của họ ngược đãi nặng nề”.<sup>15</sup> Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan xác định trong các căn cứ giải quyết ly hôn có trường hợp “một bên vợ, chồng gây tổn hại hoặc hành hạ nghiêm trọng về thể xác, tinh thần của người kia hoặc xúc phạm nghiêm trọng người kia hoặc con cháu của họ thì họ có quyền yêu cầu ly hôn”.<sup>16</sup> Có thể thấy điểm chung ở các quy định này là hành vi bạo lực hay ngược đãi đều ở mức độ nghiêm trọng, nặng nề.

Tại Việt Nam, tuy hành vi bạo lực gia đình đã được quy định trong Luật PCBLGD nhưng để xác định là căn cứ giải quyết ly hôn thì cũng cần phải lượng hóa nội dung của hành vi này. Đặc biệt, khi giải quyết ly hôn do vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình, thì bạo lực phải ở mức độ nhất định, gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần và thể chất của người còn lại, tránh trường hợp có những hành vi với mức độ tương tự nhưng hướng xử lý tại các tòa lại không thống nhất. Theo tác giả, về nguyên tắc, “vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình là vợ, chồng có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật PCBLGD năm 2022, gây ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần của người còn lại ở mức độ đáng kể, mặc dù đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm”.

*Thứ hai*, đối với việc xây dựng tiêu chí về “vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng”, Điều 4 Dự thảo Nghị quyết hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2023 (Dự thảo 4.1) đang giải thích theo hướng “vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người kia”. Theo tác giả, cách giải thích như vậy chưa xác định rõ mức độ “nghiêm trọng” của hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Bởi lẽ, bản chất của quyền và nghĩa vụ trong quan hệ vợ chồng rất đặc biệt, vì quyền của người này là nghĩa vụ của người kia và ngược lại. Do đó, chỉ cần có sự vi phạm quy định của Luật HNGĐ năm 2014 về nghĩa vụ của một bên là đã ít nhiều có ảnh hưởng đến lợi ích của bên còn lại. Vậy nếu hiểu theo câu chữ của Dự thảo, thì chỉ cần xuất hiện sự xâm phạm quyền, lợi ích hợp

15 Điều 840 Bộ luật Dân sự Hàn Quốc năm 1959 (sửa đổi bổ sung năm 2020).

16 Khoản 3 Điều 1516 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan năm 1925 (sửa đổi bổ sung năm 2022).



pháp của người này, thì người kia đã có sự “vi phạm nghiêm trọng”? Có lẽ cách hiểu này không phù hợp, bởi ở ví dụ được đưa ra tại Dự thảo 4.1 cũng phải là khi “vợ, chồng phá sản tài sản gia đình” dẫn đến “khánh kiệt tài sản vì nợ nần”, mức độ cũng phải trầm trọng đến “khánh kiệt”.<sup>17</sup> Theo tác giả về vấn đề này có thể quy định theo hướng: “Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng” là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến xâm phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người kia.”

*Thứ ba*, cần có tiêu chí xác định “hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” phù hợp với pháp luật hôn nhân và gia đình. Cũng tại Điều 4 Dự thảo 4.1 nêu trên, quan điểm của nhà làm luật xác định các yếu tố “vợ chồng có quan hệ ngoại tình”, “ly thân” là căn cứ xác định tình trạng trầm trọng của hôn nhân. Đây cũng là những yếu tố được xem xét đến như căn cứ ly hôn tại một số quốc gia. Tuy nhiên điểm khác biệt là pháp luật các quốc gia này đã thể chế quy định về ly thân, có khái niệm về ngoại tình, từ đó có cơ sở để xác định và đánh giá căn cứ giải quyết ly hôn. Đơn cử như Đạo luật Hôn nhân Hindu của người Ấn Độ xác định rõ “ngoại tình là hành vi tự nguyện quan hệ tình dục ngoài hôn nhân với bất kỳ người nào không phải là vợ, chồng của bị đơn”, và đây là “căn cứ để ly thân hoặc ly hôn về mặt tư pháp”.<sup>18</sup> Hoặc tại Thái Lan, nếu “một bên vợ, chồng đã chu cấp, tôn trọng người khác làm vợ hoặc chồng, ngoại tình hoặc quan hệ tình dục thường xuyên với người khác thì người còn lại có quyền yêu cầu ly hôn”.<sup>19</sup> Về chế định ly thân, pháp luật Trung Quốc xác định thời gian vợ chồng ly thân làm căn cứ giải quyết ly hôn là không dưới hai năm,<sup>20</sup> tương tự quy định của Bang Louisiana Hoa Kỳ,<sup>21</sup> trong khi đó quy định này là 1 năm tại Đức.<sup>22</sup>

Tuy nhiên như đã nói, Luật HNGĐ năm 2014 hiện không có khái niệm ngoại tình cũng như chế định về ly thân. Pháp luật HNGĐ chỉ có quy định về việc bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ chồng, theo đó cấm: “Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác”.<sup>23</sup> Vì vậy, nếu một người vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng thì chắc chắn có sự vi phạm nghĩa vụ chung thủy, nhưng nếu có hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy thì chưa chắc đã vi phạm chế độ hôn nhân một

17 Khoản 2 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết Hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình năm 2023 (Dự thảo 4.1) của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

18 Điều 10 Đạo luật Hôn nhân Hindu năm 1955.

19 Khoản 1 Điều 1516 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan năm 1925 (sửa đổi bổ sung năm 2022).

20 Điều 1079 BLDS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2020 (sửa đổi bổ sung năm 2021).

21 Điều 103 BLDS bang Louisiana năm 2011.

22 Điều 1564 BLDS Cộng hòa Liên bang Đức năm 1900 (sửa đổi bổ sung năm 2022).

23 Điểm c Khoản 2 Điều 5; Khoản 1 Điều 2 Luật HNGĐ năm 2014.

vợ một chồng.<sup>24</sup> Bởi lẽ, “chung thủy” thì không chỉ giới hạn ở mỗi việc vợ chồng phải có quan hệ ngoại tình thể xác. Có quan điểm “ngoại tình là bất kỳ loại hành vi tình cảm, tình dục hoặc lãng mạn bí mật nào vi phạm tính độc quyền mà các mối quan hệ được ghi nhận đang có”.<sup>25</sup> Hay nói cách khác, ngoại tình chỉ là một biểu hiện (nổi bật) của sự vi phạm nghĩa vụ chung thủy quy định tại Điều 19 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó để phù hợp với pháp luật thực định, có thể xem xét các tiêu chí để xác định tình trạng trầm trọng của hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được dựa trên các hành vi như: (i) Vợ chồng không sống chung, bỏ mặc nhau một thời gian dài mà không có lý do chính đáng; (ii) Vợ chồng không chung thủy với nhau như có quan hệ ngoại tình; (iii) Vợ chồng không thương yêu, không có tình nghĩa vợ chồng, không bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển, người nào chỉ biết bốn phận người đó. Đặc biệt, để có cơ sở nhận định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tác giả cho rằng cần phải bổ sung yếu tố “mặc dù đã được nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm” thì mới đầy đủ để có căn cứ rằng hôn nhân đã không thể cứu vãn. Đây cũng là hướng mà điểm a khoản 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP đã đưa ra, có thể tham khảo để hoàn thiện hơn hành lang pháp lý trong giải quyết vụ việc về HNGĐ nói chung và ly hôn nói riêng.

Bên cạnh đó, để hạn chế những đánh giá thiếu khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc thống nhất hướng xử lý trong trường hợp không có “hành vi bạo lực gia đình” hay “vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng” nhưng vẫn có hệ quả đời sống chung đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được trong giải quyết vụ việc ly hôn là cần thiết. Bản thân tác giả đồng ý với hướng giải quyết lấy hệ quả đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được làm trọng. Bởi xã hội hiện đại, tiêu chuẩn hạnh phúc trong hôn nhân cũng có nhiều thay đổi. Hành vi bạo lực gia đình hay sự vi phạm nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng có thể là lý do ly hôn nhưng không phải lý do duy nhất. Có những trường hợp không cần phải có bạo lực, ngoại tình nhưng tư duy khác biệt, vợ chồng không còn tình cảm cũng dẫn đến việc họ không còn muốn chung sống.<sup>26</sup> Việc Tòa án dựa vào hệ quả “mục đích

24 Huỳnh Minh Hân, “‘Ngoại tình tư tưởng’ có vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng hay không?”, <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/5DA92-hd-ngoai-tinh-tu-tuong-co-vi-pham-che-do-hon-nhan-mot-vo-mot-chong-hay-khong.html>, truy cập ngày 30/11/2023.

25 Ami Rokach, Sybil H. Chan, “Love and Infidelity: Causes and Consequences”, *International Journal of Environmental Research and Public Health*, Published online, 2023 <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC10002055/>, truy cập ngày 30/11/2023.

26 Women’s Health, “10 lý do ly hôn phổ biến nhất của các cặp vợ chồng”, *Trang thông tin điện tử Vietnamnet*, 2021, <https://vietnamnet.vn/10-ly-do-ly-hon-pho-bien-nhat-cua-cac-cap-vo-chong-vo-chong-719493.html>, truy cập ngày 30/11/2023.

hôn nhân không đạt được” để xét xử thì mới thỏa đáng và phù hợp thực tế. Đây cũng là cách xử lý từng được quy định tại Luật HNGĐ năm 2000. Thiết nghĩ, vấn đề này cũng cần ghi nhận rõ hơn trong nghị quyết hướng dẫn để thống nhất hướng giải quyết trong thực tiễn xét xử.

### Kết luận

Ly hôn là quyền nhân thân gắn liền với cá nhân vợ chồng, nhưng lại có những ảnh hưởng tới lợi ích của gia đình và xã hội. Do đó, “Nhà nước kiểm soát quyền tự do ly hôn của vợ chồng thông qua quy định về căn cứ ly hôn”.<sup>27</sup> Trải qua hơn chín năm thi hành và áp dụng, Luật HNGĐ năm 2014 có những điều chỉnh tích cực về căn cứ giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên so với các Luật HNGĐ trước đó<sup>28</sup>. Tuy nhiên, hiện nay căn cứ ly hôn và tiêu chí để xác định căn cứ ly hôn vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật, việc xét xử ly hôn tại các Tòa án chưa thống nhất, nên việc hoàn thiện về căn cứ ly hôn là cần thiết, quan trọng, góp phần làm hạn chế thấp nhất những hệ quả tiêu cực của sự chia ly, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cũng như thúc đẩy các quan hệ HNGĐ phát triển lành mạnh hơn. ●

### Tài liệu tham khảo

- [1] Van Ngo Thi Anh, “Offsprings Conceived Via Assisted Reproductive Technology By a Single Woman: A Matter of Father Identification”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 3, No. 2, 2020, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0001>
- [2] Ami Rokach, Sybil H. Chan, “Love and Infidelity: Causes and Consequences”, *International Journal of Environmental Research and Public Health*, Published online, 2023 <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC10002055/>, accessed on 30/11/2023
- [3] S. Bedi, “Comparing Matrimonial Laws in India and Vietnam: Is a Uniform Civil Code Necessary?”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 7, No. 2, 2022, pp. 101-114, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0010>
- [4] Nguyễn Văn Cừ, “Căn cứ ly hôn trong pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 11(411), 2020 [trans: Nguyen Van Cu, “Basis for divorce in Vietnamese law”, *Journal of Legislative Studies*, No. 11(411), 2020]
- [5] Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình: Các quan hệ nhân thân về gia đình (Tập 1)*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022 [trans: Nguyen Ngoc Dien, *Textbook of Marriage and Family Law (Vol 1: Personal relationships in the family)*, Ho Chi Minh City National University. Publishing, 2022]
- [6] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2022 [trans: Ho Chi Minh University of Law, *Textbook of Vietnamese Marriage and Family Law*, Hong Duc. Publishing, 2022]

---

27 Nguyễn Văn Cừ, “Căn cứ ly hôn trong pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 11(411), 2020, tr. 38.

28 S. Bedi, “Comparing Matrimonial Laws in India and Vietnam: Is a Uniform Civil Code Necessary?”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 7, No. 2, 2022, pp. 101-114, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0010>.